

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Về việc công bố công khai 6 tháng và quý 2 thu- chi ngân sách năm 2023
của UBND xã Đức Chính.**

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng ;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại UBND xã Đức Chính.

*** Thành phần tham dự :**

1/ Ông: Trần Văn Tường

Chức vụ : Chủ tịch UBND xã .

2/ Ông: Trần Văn Trang

Chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã.

3/ Bà : Bùi Thị Tiên

Chức vụ: Tài chính - Kế toán- Thư ký .

4/ Bà: Nguyễn Thị Vân

Chức vụ: Văn phòng HĐND-UBND

5/ Ông: Nguyễn Trọng Hưng

Chức vụ: Trưởng ban TTND

*** Nội dung biên bản:**

- Công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 xã Đức Chính

- Công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách quý 2 năm 2023 xã Đức Chính.

+Thành phần niêm yết:

- Công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023.

(Kém theo mẫu số 113, 114, 115 của Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính).

- Công khai và niêm yết công khai thu - chi ngân sách quý 2 năm 2023.

(Kém theo mẫu số 113, 114, 115 của Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính).

Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 14/7/2023 đến ngày 13/8/2023 .

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 00 phút.

THƯ KÝ



Bùi Thị Tiên

**BAN THANH TRA
NHÂN DÂN**



Nguyễn Trọng Hưng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.407.820.000	6.413.384.669	118,59
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	46.600.000	12.815.000	27,50
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	342.000.000	117.144.582	34,25
3	Thu bổ sung	5.019.220.000	5.679.900.000	113,16
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.019.220.000	3.000.000.000	59,77
	- Bổ sung có mục tiêu		2.679.900.000	
4	Thu chuyển nguồn		603.525.087	
II	TỔNG SỐ CHI	5.441.820.000	2.812.157.300	51,68
1	Chi đầu tư phát triển	150.000.000		
2	Chi thường xuyên	5.291.820.000	2.812.157.300	53,14
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Đức Chính

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B						
	Tổng số thu		5.507.820.000		6.413.384.669		116,44
I	Các khoản thu 100%		146.600.000		12.815.000		8,74
1	Phí, lệ phí		28.000.000		8.815.000		31,48
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				4.000.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		18.600.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		342.000.000		117.144.582		34,25
1	Các khoản thu phân chia		99.000.000		14.904.400		15,05
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		33.000.000		211.950		0,64
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		7.000.000		9.600.000		137,14
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		59.000.000		5.092.450		8,63
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		243.000.000		102.240.182		42,07
2.1	Thu tiền sử dụng đất		150.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		63.000.000		55.029.705		87,35
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		30.000.000		47.210.477		157,37
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				603.525.087		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						



STT		DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.019.220.000		5.679.900.000		113,16
1	Thu bổ sung cân đối		5.019.220.000		3.000.000.000		59,77
2	Thu bổ sung có mục tiêu				2.679.900.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

[illegible]

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.407.820.000	3.095.637.884	57,24
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	46.600.000	6.184.000	13,27
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	342.000.000	60.453.884	17,68
3	Thu bổ sung	5.019.220.000	3.029.000.000	60,35
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.019.220.000	1.000.000.000	19,92
	- Bổ sung có mục tiêu		2.029.000.000	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.441.820.000	1.645.812.200	30,24
1	Chi đầu tư phát triển	150.000.000		
2	Chi thường xuyên	5.291.820.000	1.645.812.200	31,10
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Đức Chính

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B						
	Tổng số thu		5.507.820.000		3.095.637.884		56,20
I	Các khoản thu 100%		146.600.000		6.184.000		4,22
1	Phí, lệ phí		28.000.000		6.184.000		22,09
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		18.600.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		342.000.000		60.453.884		17,68
1	Các khoản thu phân chia		99.000.000		1.196.450		1,21
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		33.000.000		211.950		0,64
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		7.000.000		300.000		4,29
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		59.000.000		684.500		1,16
2.1	Thu tiền sử dụng đất		243.000.000		59.257.434		24,39
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước		150.000.000				
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng						
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		63.000.000		39.504.955		62,71
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		30.000.000		19.752.479		65,84
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						



STT		DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX
A		1	2		3	4		5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.019.220.000			3.029.000.000			60,35
1	Thu bổ sung cân đối		5.019.220.000			1.000.000.000			19,92
2	Thu bổ sung có mục tiêu					2.029.000.000			

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023



Đơn vị: đồng

[illegible]